

Số: 348/CTK-TH

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 10 năm 2017

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng 10 và 10 tháng năm 2017

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

- *Trồng trọt*: Sản xuất trồng trọt trong thời gian qua là tập trung thu hoạch các loại cây trồng vụ Hè Thu, chăm sóc cây vụ Mùa và tiến hành sản xuất cây vụ Đông.

Sản xuất vụ Hè Thu năm 2017 trong điều kiện thời tiết hết sức phức tạp, hạn hán, nắng nóng và ảnh hưởng của thấp nhiệt đới và bão số 2, bão số 4 gây mưa lớn. Bên cạnh đó các đối tượng dịch hại như sâu bệnh trên cây trồng tiềm ẩn đe dọa nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp. Một số diện tích gieo cấy muộn khi thu hoạch đã gặp bão số 10 gây thiệt hại nặng. Nhờ sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự chủ động và nỗ lực của bà con nông dân nên sơ bộ tổng diện tích gieo cấy lúa vụ Hè Thu năm 2017 đã thực hiện vượt kế hoạch đặt ra, tăng so với cùng kỳ năm trước. Kết quả sơ bộ, diện tích gieo cấy lúa vụ Hè Thu năm 2017 trên địa bàn toàn tỉnh đạt 44.510 ha, bằng 100,75% kế hoạch (tăng 333 ha), so với cùng kỳ năm trước bằng 101,17% (tăng 513 ha). Một số huyện có diện tích lúa tăng như: Nghi Xuân tăng 264 ha, Hương Khê tăng 200 ha, Kỳ Anh tăng 131 ha ...

Năng suất lúa Hè Thu năm 2017 sơ bộ đạt 44,95 tạ/ha, giảm 1,09% (giảm 0,49 tạ/ha) so với cùng kỳ năm trước. Năng suất giảm do liên tiếp chịu ảnh hưởng của hai cơn bão số 2 và số 4 làm cho nhiều ha lúa bị ngập úng. Sơ bộ năng suất lúa một số huyện giảm so với cùng kỳ như: Huyện Hương Khê giảm 11,50 tạ/ha, Đức Thọ giảm 4,12 tạ/ha, Thạch Hà giảm 2,84 tạ/ha, thị xã Kỳ Anh giảm 2,33 tạ/ha... Mặc dù năng suất lúa Hè Thu giảm, nhưng do diện tích tăng cho nên sản lượng lúa vụ Hè Thu năm 2017 sơ bộ đạt 200.078 tấn, tăng 0,06% (tăng 130 tấn) so với vụ Hè Thu năm 2016.

Sản xuất vụ Mùa năm 2017 chịu tác động của cơn bão số 2, bão số 4 và bão số 10 nên đã ảnh hưởng đến cả diện tích và năng suất. Tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng vụ Mùa ước đạt 17.533 ha, bằng 89,01% (giảm 2.162 ha) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích gieo cấy lúa ước đạt 696 ha, bằng 58,43% (giảm 495 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất lúa ước đạt 17,78 tạ/ha (tăng 2,88 tạ/ha) với sản lượng lúa ước đạt 1.237 tấn (giảm 537 tấn); diện tích ngô ước

đạt 1.977 ha, bằng 114,17% (tăng 245 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất ngô ước đạt 23,75 tạ/ha (giảm 6,55 tạ/ha) với sản lượng ngô ước đạt 4.696 tấn (giảm 551 tấn); diện tích khoai lang ước đạt 751 ha, bằng 98,56% (giảm 11 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất khoai lang ước đạt 54,21 tạ/ha (tăng 0,18 tạ/ha) với sản lượng khoai lang ước đạt 4.078 tấn (giảm 60 tấn); diện tích lạc ước đạt 570 ha, bằng 89,06% (giảm 70 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất lạc ước đạt 16,43 tạ/ha (giảm 0,02 tạ/ha) với sản lượng lạc ước đạt 937 tấn (giảm 113 tấn); diện tích đậu các loại ước đạt 6.225 ha, bằng 81,97% (giảm 1.369 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất đậu ước đạt 5,88 tạ/ha (giảm 3,09 tạ/ha) với sản lượng đậu ước đạt 3.660 tấn (giảm 3.146 tấn) và diện tích rau các loại ước đạt 2.409 ha, bằng 89,62% (giảm 279 ha) so với cùng kỳ năm trước, năng suất rau ước đạt 69,39 tạ/ha (tăng 0,58 tạ/ha) với sản lượng rau ước đạt 16.716 tấn (giảm 1.780 tấn).

Về sản xuất vụ Đông, xác định đây là vụ sản xuất chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ra Quyết định số 622/QĐ-SNN ngày 30/8/2017 và tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 06/9/2017 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất vụ Đông năm 2017; đồng thời, các cấp, các ngành đã tích cực chỉ đạo thực hiện Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ giống phục vụ sản xuất vụ Đông năm 2017, nhằm bù đắp thiệt hại trong vụ Xuân và vụ Hè Thu. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bão số 10 và áp thấp nhiệt đới nên kết quả sản xuất các loại cây trồng vụ Đông đạt được còn rất thấp: Diện tích ngô lấy ước đạt 405 ha, bằng 10,25% kế hoạch (kế hoạch 3.952 ha); diện tích ngô sinh khối ước đạt 40 ha, bằng 1,42% kế hoạch (kế hoạch 2.819 ha); diện tích rau màu ước đạt 855 ha, bằng 19,74% kế hoạch (kế hoạch 4.331 ha).

Hiện nay, sâu bệnh cũng đã xuất hiện gây hại trên diện tích ngô và rau các loại. Sâu xám gây hại trà ngô 2-4 lá, tỷ lệ hại trung bình 1-2%, nơi cao 3-5%, tập trung ở Đức Thọ, Hương Sơn; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, sâu tơ phát sinh gây hại rải rác trên rau họ hoa thập tự. Để chủ động phòng trừ sâu bệnh, Chi cục Bảo vệ thực vật đã kịp thời hướng dẫn bà con nông dân cách phòng trừ sâu bệnh nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra.

- *Chăn nuôi*: Ảnh hưởng của bão số 10 và áp thấp nhiệt đới, trên địa bàn Hà Tĩnh đã xảy ra mưa lũ lớn làm ngập lụt ở một số địa phương nên đã gây thiệt hại đối với ngành chăn nuôi, nhiều gia súc và gia cầm đã bị trôi, chết. Dự ước tổng đàn trâu hiện có 83.002 con, bằng 97,75% (giảm 1.907 con) so với cùng kỳ năm trước; tổng đàn bò hiện có 216.037 con, bằng 90,50% (giảm 22.681 con) so với cùng kỳ năm trước, trong đó dự án bò sữa của Công ty Vinamilk hiện có 2.943 con (tăng 1.523 con); tổng đàn lợn hiện có 401.599 482.635 con, bằng 83,21% (giảm 81.036 con) so với cùng kỳ năm trước; tổng đàn gia cầm hiện có 8.101 ngàn con, bằng 97,18% (giảm 235 ngàn con) so với cùng kỳ năm trước.

Thời gian qua trên địa huyện Hương Khê và Can Lộc đã xảy ra dịch lở mồm long móng ở gia súc. Có 14 hộ nuôi ở 6 thôn thuộc xã Gia Phố, huyện Hương Khê với 29 con mắc bệnh (02 con trâu, 12 con bò và 15 con lợn) và 02 hộ nuôi thuộc xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc với 05 con bò bị mắc bệnh; Số con bị chết, tiêu hủy là 15 con lợn thuộc huyện Hương Khê. Hiện tại tình hình dịch bệnh đã được bao vây khống chế, Chi cục Thú y cũng đã tiến hành tiêm phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm, lập 2 chốt kiểm tra dịch, lập cam kết với 17 hộ dân, rắc 1300 kg vôi bột và 293 lít hóa chất... để dập dịch. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5955/UBND -NL ngày 22/9/2017 về tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh và đẩy nhanh tiến độ tiêm phòng đợt II năm 2017 cho đàn gia súc, gia cầm. Đã cấp không thu tiền 6.000 liều vắc xin lở mồm long móng gia súc, 600 lít hoá chất để tiêm phòng bao vây và khử trùng tiêu độc tại các địa phương đang có dịch chưa qua 21 ngày.

1.2. Lâm nghiệp

Trong tháng, toàn tỉnh đã trồng được 394 ha rừng tập trung, bằng 87,17% (giảm 58 ha) và 294 ngàn cây phân tán, bằng 42,98% (giảm 390 ngàn cây) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng ước đạt 56.469 m³, bằng 167,96% (tăng 22.849 m³) và 136.163 ste củi, bằng 299,36% (tăng 90.679 ste) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân, do ảnh hưởng của bão số 10, nhiều ha rừng trồng và cây cối bị đổ gãy, người dân đã khai thác tận thu nên khối lượng gỗ và củi khai thác tăng so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với việc trồng và chăm sóc rừng thì công tác phòng, chống cháy rừng cũng luôn được quan tâm. Từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/10/2017, trên địa bàn Hà Tĩnh không xảy ra cháy rừng.

1.3. Thủy sản

Theo kế hoạch diện tích nuôi trồng thủy sản vụ Đông 2017 dự kiến là 1.685 ha, trong đó: tôm thâm canh, nuôi tôm trên cát 400 ha; nuôi xen ghép, quảng canh 975 ha, nhuyễn thể 310 ha. Nhưng do ảnh hưởng của bão số 10 đã làm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đối tượng nuôi thủy sản: Một số ao hồ bị hư hỏng, bị sạt lở, diện tích nuôi mặn lợ bị ngọt hóa; nhiều vùng nuôi mặn lợ bị ngập lụt nặng như ở thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Lộc Hà; hầu hết vùng nuôi tôm trên cát hệ thống điện đều bị hư hỏng.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 10/2017 ước đạt 941 tấn, bằng 131,24% (tăng 224 tấn) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 2.212 tấn, bằng 152,24% (tăng 759 tấn) so với cùng kỳ năm trước, trong đó khai thác biển ước đạt 1.767 tấn (tăng 628 tấn) và khai thác nội địa ước đạt 445 tấn (tăng 131 tấn).

Về dịch bệnh và thiệt hại sau bão: Có 424 ha nuôi cá nuôi truyền thống, 1.063 ha tôm nuôi, 129 ha ngao và 897 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại;

579 phương tiện khai thác thủy sản bị hư hỏng (gồm 367 chiếc <20 CV; 155 chiếc từ 20-90CV; 57 chiếc trên 90CV) và 02 tàu cứu hộ 450CV bị hỏng nặng. Ước thiệt hại 277 tỷ đồng.

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tháng 10/2017 ước bằng 94,83% (giảm 5,17%) so với tháng trước và bằng 205,17% (tăng 105,17%) so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2017

Đơn vị: %

	Chỉ số kỳ báo cáo so với tháng trước	Chỉ số kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Chỉ số cộng dồn từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
Tổng số	94,83	205,17	169,86
- Khai khoáng	93,08	63,00	78,13
- Công nghiệp chế biến, chế tạo	93,84	259,04	196,48
- Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	99,31	121,25	134,05
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	99,62	92,11	104,62

Như vậy, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tháng 10/2017 dự ước giảm mạnh so với tháng trước và giảm ở cả 4 ngành công nghiệp cấp I. Ngành công nghiệp khai khoáng có chỉ số phát triển sản xuất giảm 6,92%, do các dự án xây dựng cơ bản đã hoàn thành giai đoạn I, nên phần lớn các mỏ khai thác đá, cát, sỏi, đất sét phải ngừng hoạt động, chỉ còn một số mỏ khai thác cầm chừng để duy trì và trang trải vốn đầu tư; mặt khác, trữ lượng quặng khoáng sản cũng đang dần cạn kiệt đã làm cho chỉ số phát triển sản xuất giảm. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số phát triển sản xuất giảm 6,16% chủ yếu giảm ở ngành sản xuất sắt, thép (giảm 7,71%); ngoài ra, do trữ lượng khai thác đá, cát, sỏi, đất sét giảm kéo theo ngành sản xuất gạch và bê tông tươi giảm, những yếu tố này đã làm cho chỉ số sản xuất chung giảm. Ngành sản xuất và phân phối điện giảm 0,69%, do ngày 30/9/2017 Tổ máy 1 Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh gặp sự cố mất nguồn điện tự dùng, hiện đang ngừng thực hiện bảo dưỡng sửa chữa định kỳ từ ngày 02/10/2017 nên chỉ số sản xuất của ngành này giảm. Còn ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,38%, chủ yếu giảm ở hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (giảm 6,25%).

Tính chung 10 tháng, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp bằng 169,86% (tăng 69,86%) so với cùng kỳ năm trước và chỉ có ngành công nghiệp khai khoáng có chỉ số sản xuất giảm 21,87% so với cùng kỳ năm trước do hiện nay trữ

lượng quặng kim loại ở các mỏ đã dần cạn kiệt. Góp phần vào tốc độ tăng chung có các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động từ những năm trước phát huy công suất, trong đó tốc độ tăng khá là các doanh nghiệp hoạt động ngành than cốc; thép; sản xuất thức ăn gia súc. Bên cạnh một số ngành hoạt động hiệu quả vẫn còn một số ngành có tỷ trọng giá trị công nghiệp cao nhưng sản xuất giảm so với cùng kỳ như: Chế biến gỗ (giảm 6,25%), sản xuất bia (giảm 3,25%) và sản xuất bê tông tươi (giảm 75,41%).

3. Thực hiện vốn đầu tư

Tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2017 ước đạt 247,82 tỷ đồng, giảm 3,14% (giảm 8,04 tỷ đồng) so với tháng trước và giảm 16,73% (giảm 49,78 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tính tháng 10 năm 2017

	Thực hiện tháng 9/2017 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10/2017 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ so sánh (%)
Tổng số	255,86	247,82	96,86
- Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	150,09	146,72	97,75
- Vốn ngoài nhà nước cấp huyện	26,45	24,27	91,76
- Vốn ngoài nhà nước cấp xã	79,32	76,83	96,86

Từ trên cho thấy, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2017 dự ước giảm so với tháng trước và giảm ở cả 3 nguồn vốn, do ảnh hưởng thời tiết mưa bão không thuận lợi cho việc thi công các công trình nên giá trị thực hiện trong tháng giảm so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2017, thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.337,5 tỷ đồng, tăng 0,29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.483,56 tỷ đồng, giảm 13,33% so với cùng kỳ và chiếm 73,45% tổng vốn; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 297,47 tỷ đồng, giảm 0,22% so với cùng kỳ và chiếm 12,79% tổng vốn; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt 556,47 tỷ đồng, tăng 73,49% so với cùng kỳ và chiếm 13,76% tổng vốn. Như vậy, trong khi cả hai dòng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện đều giảm so với cùng kỳ năm trước thì nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cấp xã lại tăng mạnh so với cùng kỳ và đã vượt kế hoạch năm (đạt 164,48% kế hoạch), đây chính là nguyên nhân làm cho tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tăng so với cùng kỳ. Sở dĩ nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cấp xã tăng là do hiện nay thị trường bất động sản đang dần

phục hồi, nguồn thu từ quỹ đất tăng và đã được các xã dùng để tái đầu tư phát triển.

4. Thương mại, dịch vụ và giá cả

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

- *Tổng mức bán lẻ hàng hóa:* Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 10/2017 ước đạt 2.763,47 tỷ đồng, tăng 0,92% so với tháng trước, tăng 2,35% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Kinh tế nhà nước ước đạt 235,49 tỷ đồng, tăng 0,58%; kinh tế tập thể ước đạt 0,84 tỷ đồng, tăng 3,09%; kinh tế cá thể ước đạt 1.567,18 tỷ đồng, tăng 0,43%; kinh tế tư nhân ước đạt 959,96 tỷ đồng, tăng 1,81% so với tháng trước.

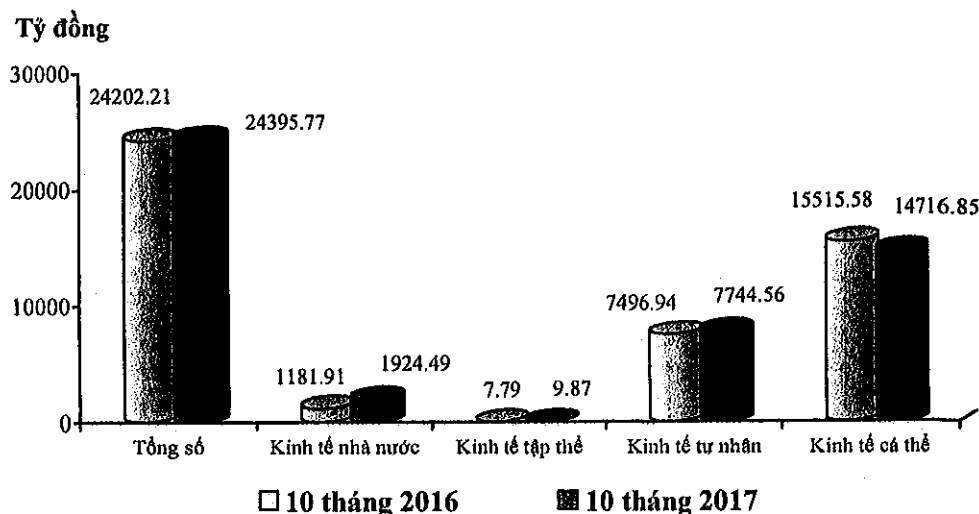
Tổng mức bán lẻ hàng hóa phân theo nhóm hàng Tháng 9/2017 và tháng 10/2017

	Tháng 9/2017 (Tỷ đồng)	Tháng 10/2017 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ so sánh (%)
Tổng số	2.738,24	2.763,47	100,92
- Lương thực, thực phẩm	1.008,96	1.015,57	100,66
- Hàng may mặc	154,04	156,71	101,73
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	345,03	345,07	100,01
- Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	35,77	33,43	93,46
- Gỗ và vật liệu xây dựng	168,72	171,63	101,72
- Ô tô các loại	45,31	44,79	98,85
- Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	175,67	172,55	98,22
- Xăng, dầu các loại	314,25	317,93	101,17
- Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	87,67	89,72	102,33
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	49,70	53,31	107,27
- Hàng hóa khác	301,44	308,97	102,50
- SC ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	51,68	53,79	104,09

Từ bảng trên cho thấy, hầu hết các nhóm hàng đều có tổng mức tăng so với tháng trước, chỉ có 3 nhóm hàng có tổng mức giảm so với tháng trước. Nhóm hàng vật phẩm, văn hóa giáo dục giảm 6,54%, do tính chất mùa vụ nên nhu cầu mua sắm sách, vở, đồ dùng học tập cho con em giảm làm cho tổng mức của nhóm hàng này giảm. Nhóm ô tô các loại giảm 1,15%, do khách hàng đang đợi chính sách giảm thuế xe ô tô vào các nước Asean trong năm 2018, nên số lượng xe ô tô bán ra trong những tháng gần đây giảm dẫn đến tổng mức giảm. Nhóm phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) giảm 1,78%, do nhu cầu mua sắm phương tiện chủ yếu tập trung vào tháng cận kề mùa khai trường, còn những tháng sau thì nhu cầu giảm dần nên tổng mức của nhóm này giảm so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 24.395,77 tỷ đồng, tăng 0,8% so cùng kỳ năm trước.

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa
phân theo loại hình kinh tế 10 tháng năm 2016 và 2017**



Nhìn chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa 10 tháng năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm 2016, nhưng chỉ tăng nhẹ và tăng chủ yếu ở: nhóm xăng, dầu tăng 31,07%; nhóm hàng hóa khác tăng 24,12%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng tăng 7,7% và nhóm phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 5,38%. Trong tổng mức bán lẻ hàng hóa thì nhóm hàng lương thực và thực phẩm ước đạt 9.467,42 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất 38,81%, tiếp đến là nhóm đồ dùng dụng cụ trang thiết bị gia đình ước đạt 3.101,94 tỷ đồng, chiếm 12,72% và nhóm hàng xăng, dầu các loại ước đạt 2.879,33 tỷ đồng, chiếm 11,8%. Như vậy, hoạt động bán lẻ vẫn chủ yếu là phục vụ các mặt hàng đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu trong đời sống hàng ngày của người dân (chiếm 63,33%).

- *Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành*: Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành tháng 10/2017 ước đạt 359,06 tỷ đồng, giảm 16,14% (giảm 69,09 tỷ đồng) so với tháng trước và tăng 36,28% (tăng 95,59 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

**Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành
phân theo nhóm ngành tháng 9 và 10 năm 2017**

	Thực hiện tháng 9 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ so sánh (%)
Tổng số	428,15	359,06	83,86
- Dịch vụ lưu trú	33,32	26,01	78,09
- Dịch vụ ăn uống	392,43	331,05	84,36
- Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	2,40	2,00	83,33

Như vậy, doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành tháng 10/2017 giảm so với tháng trước và đều giảm ở cả 3 nhóm ngành dịch vụ.

Do ảnh hưởng của mưa bão nên lượng khách đặt tour du lịch giảm; lượt khách vắng lai đi tuyến đường Bắc Nam dừng chân tại các khách sạn, nhà nghỉ trên đường quốc lộ cũng giảm so với tháng trước; đồng thời, đây là thời điểm đã kết thúc mùa du lịch biển, nên lượt khách giảm mạnh; từ đó kéo theo các hoạt động dịch vụ ăn uống giảm; tất cả những yếu tố này làm cho doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành giảm so với tháng trước.

Chung 10 tháng, doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 4.116,32 tỷ đồng, tăng 22,23% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 322,49 tỷ đồng, tăng 37,91%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 3.777,4 tỷ đồng, tăng 21,05%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 16,43 tỷ đồng, tăng 23,62% so với cùng kỳ năm trước.

- *Hoạt động dịch vụ khác*: Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 10/2017 ước đạt 128,98 tỷ đồng, tăng 3,57% so với tháng trước và tăng 67,48% so cùng kỳ năm 2016.

**Doanh thu hoạt động dịch vụ khác phân theo nhóm ngành
tháng 9 và tháng 10 năm 2017**

	Thực hiện tháng 9 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ so sánh (%)
Tổng số	124,53	128,98	103,57
- Dịch vụ kinh doanh bất động sản	22,35	22,41	100,28
- Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ	32,28	32,93	102,03
- Dịch vụ giáo dục và đào tạo	2,88	2,89	100,21
- Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2,04	2,10	102,74
- Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí	11,31	11,66	103,11
- Dịch vụ SC máy vi tính, ĐDCN và GD	14,88	15,03	100,95
- Dịch vụ khác	38,79	41,96	108,19

Theo bảng trên cho thấy, tất cả các nhóm ngành dịch vụ đều tăng so với tháng trước. Tăng nhiều nhất là nhóm ngành dịch vụ khác (tăng 8,19%), chủ yếu tăng ở khối kinh tế tập thể (tăng 8,33%) và khối kinh tế cá thể (tăng 8,94%). Tiếp đến là nhóm ngành dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí (tăng 3,11%), do trùng với dịp Tết Trung thu và ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 nên nhu cầu mua sắm hàng hóa, vui chơi trong những dịp này tăng. Còn tăng ít nhất là nhóm ngành dịch vụ giáo dục và đào tạo (tăng 0,21%), do các cơ sở giáo dục công lập và tư thục, từ cấp mẫu giáo cho tới đại học đồng loạt điều chỉnh tăng học phí; đồng thời, ảnh hưởng của giá cả nên toàn bộ các dịch vụ giáo dục đào tạo cũng tăng lên, làm cho doanh thu tăng so tháng trước.

Tính chung 10 tháng, doanh thu hoạt động dịch vụ khác ước đạt 956,9 tỷ đồng, giảm 2,23% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Kinh tế Nhà nước ước đạt

47,35 tỷ đồng, tăng 4,59%; kinh tế tập thể ước đạt 7,33 tỷ đồng, tăng gấp 4,5 lần; kinh tế tư nhân ước đạt 195,5 tỷ đồng, tăng 11,12%; kinh tế cá thể ước đạt 698,93 tỷ đồng, giảm 5,26% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7,79 tỷ đồng, giảm 57,02% so với cùng kỳ năm trước.

4.2. Hoạt động vận tải

Số lượng hành khách vận chuyển tháng 10/2017 ước đạt 1.833,92 ngàn lượt hành khách với khối lượng luân chuyển là 332,87 triệu lượt hành khách.km. So với tháng trước tăng 1,56% về lượt hành khách vận chuyển và tăng 2,23% về lượt hành khách.km luân chuyển.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 10/2017 ước đạt 2.659,09 ngàn tấn với khối lượng luân chuyển là 70,66 triệu tấn.km hàng hóa. So với tháng trước giảm 1,77% về khối lượng vận chuyển và giảm 3,23% về khối lượng luân chuyển.

Hoạt động vận tải tháng 10 năm 2017

	Tháng 10 năm 2017	10 tháng năm 2017	Tháng 10/2017 so với tháng 9/2017 (%)	10 tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 (%)
Số lượng hành khách vận chuyển (1000 hành khách)	1.833,92	18.399,98	101,56	105,88
Số lượng hành khách luân chuyển (triệu HK.Km)	332,87	3.284,14	102,23	108,32
Khối lượng hàng hóa vận chuyển (1000 tấn)	2.659,09	25.803,98	98,23	103,10
Khối lượng hàng hóa luân chuyển (triệu tấn.Km)	70,66	654,68	96,77	106,52
Doanh thu (tỷ đồng)	407,55	3.865,05	100,34	107,01
- Hành khách (tỷ đồng)	138,66	1.369,85	101,54	106,58
- Hàng hóa (tỷ đồng)	218,56	2.027,83	98,92	109,13

Từ trên cho thấy, trong tháng 10 do ảnh hưởng của thời tiết mưa kéo dài, trở lạnh vào cuối tháng nên nhu cầu sử dụng các phương tiện công cộng của người dân tăng, làm cho hoạt động vận tải hành khách tăng. Nhưng đối với hoạt động vận tải hàng hóa thì gặp khó khăn, mưa nhiều làm cho hoạt động xây dựng trì trệ, thi công chậm nên nhu cầu vận chuyển vật liệu xây dựng giảm; mặt khác, do lượng đơn hàng của các đối tác nước ngoài vẫn còn hạn chế, dẫn đến việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đạt thấp, đây chính là các yếu tố làm hoạt động vận tải hàng hóa giảm.

4.3. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số chung giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2017 tăng 0,53% so với tháng trước (khu vực thành thị tăng 0,55% và khu vực nông thôn tăng 0,51%), tăng 4,73% so với cùng kỳ và tăng 1,96% so với tháng 12 năm 2016. Nguyên nhân chính tác động làm tăng CPI tháng 9 năm 2017 là:

(1) Giá nhiên liệu, xăng dầu tiếp tục tăng giá;

(2) Giá vật liệu xây dựng tăng mạnh do hoạt động khai thác và vận chuyển tiếp tục gặp khó khăn;

(3) Giá các loại lương thực và thực phẩm bao gồm gạo, ngô, thịt, rau quả các loại tăng giá.

- Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chỉ có 03 nhóm hàng hóa có chỉ số giá ổn định so với tháng trước đó là: Nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm giáo dục.

- Có 02/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm so với tháng trước đó là:

+ Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,12% so với tháng trước, do nhu cầu sửa chữa, cải tạo, khắc phục thiệt hại nhà ở dẫn tới tăng giá nhóm mặt hàng đồ điện như dây dẫn, công tắc, ổ cắm (tăng 5,80%); mặt khác, thời tiết bất đầu chuyển lạnh khiến mặt hàng đệm mút đều được điều chỉnh tăng giá 5,10% nên làm cho chỉ số giá chung giảm.

+ Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,05% so với tháng trước, do chịu ảnh hưởng của giá vàng giảm nên các mặt hàng trang sức giảm 0,95%, từ đó làm cho chỉ số giá của nhóm này giảm.

- Còn lại có 06/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ đều có chỉ số giá tăng so với tháng trước, cụ thể:

+ Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,99% so với tháng trước và đều tăng ở cả ba mặt hàng lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình. Trong đó:

Các mặt hàng lương thực tăng 0,53%, do giá gạo các loại tăng khoảng 500 đ/kg: gạo tẻ thường giá 10.000-10.500 đ/kg, gạo tẻ ngon từ 12.000 đến 12.500 đ/kg; đồng thời, sản phẩm bột mì và ngô tiếp tục tăng giá trong tháng, tác động đến giá mặt hàng bánh mì và phở sợi/mỳ sợi cũng tăng theo, làm cho chỉ số giá của nhóm này tăng.

Các mặt hàng thực phẩm tăng 0,56%, do giá thịt gia súc, gia cầm tươi sống, thủy hải sản tươi sống, trứng đều có xu hướng tăng giá nhẹ trong tháng; bên cạnh đó, việc lưu thông, vận tải hàng hóa giữa các khu vực gặp khó khăn do ngập úng, dẫn đến chi phí vận chuyển tăng, kéo theo chi phí sản xuất cũng tăng; ngoài ra, giá các loại rau tăng bình quân 4,09% so tháng trước, không chỉ rau tươi mà còn bao gồm cả rau khô và rau chế biến các loại, tất cả yếu tố đó đã làm chỉ số giá của nhóm này tăng.

Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 2,53% so tháng trước. Việc giá các loại thực phẩm và nguyên liệu chế biến đầu vào trong những tháng gần đây như gạo,

thịt các loại, rau củ quả, nước sinh hoạt, giá gas tăng khiến các cơ sở kinh doanh ăn uống điều chỉnh tăng giá nên làm cho chỉ số giá nhóm hàng ăn uống ngoài gia đình tăng.

+ Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,03% so với tháng trước, chủ yếu tăng ở các sản phẩm mũ nón áo mưa (tăng 5,44%).

+ Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,92% so với tháng trước. Do sản lượng khai thác cát, sỏi giảm, cùng với việc vận chuyển khó khăn dẫn đến nhóm vật liệu cát, sỏi, thép xây dựng tăng giá 1,77%. Ngoài ra, giá gas tiếp tục tăng mạnh tới 7,14%, từ mức 350 nghìn đồng/bình/12 kg tăng lên 375 nghìn đồng/bình/12kg.; giá dầu hỏa bình quân tăng 4,03% theo xu thế biến động chung của thị trường xăng dầu thế giới. Vì vậy, đã làm cho chỉ số giá chung của nhóm này tăng so với tháng trước.

+ Nhóm giao thông tăng 0,51% so với tháng trước. Do trong tháng 10 có hai lần được điều chỉnh tăng giá vào ngày 05/10 và 20/10, giá xăng dầu tăng cùng với việc khó khăn trong khâu vận chuyển đã tác động đến giá cước vận tải hàng hóa cũng tăng nên làm cho chỉ số giá tăng.

+ Nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,12% so với tháng trước và chủ yếu tăng ở nhóm các thiết bị di động, bình quân tăng 0,69%.

+ Nhóm văn hóa, giải trí, và du lịch tăng 0,21% so với tháng trước, do trong tháng trùng với ngày lễ phụ nữ Việt Nam 20/10 nên giá hoa tươi các loại tăng mạnh 9,03%, làm chỉ số giá nhóm này tăng.

- Chỉ số giá vàng 9999 giảm 0,79% so với tháng trước và tăng 1,48% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường giá vàng trong tháng qua nhìn chung có xu hướng giảm. Bình quân giá vàng trong tháng là 3.565,5 nghìn đồng/chỉ, giảm 63,8 nghìn đồng/chỉ so với tháng trước. Giá vàng vào ngày 22/10/2017 ở mức giá 3.560 nghìn đồng/chỉ.

- Chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 1,97% so với cùng kỳ năm trước. Giá USD bình quân tại thị trường Hà Tĩnh mức giá bán ra 2.273,3 nghìn đồng/100USD, tăng 1,3 nghìn đồng/100USD so tháng trước. Giá USD tự do ngày 22/10/2017 ở mức giá 2.274 nghìn đồng/100USD.

Dự kiến chỉ số giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tháng 11/2017 sẽ tăng so với tháng 10/2017. Do giá các dịch vụ y tế được điều chỉnh tăng; đồng thời, do ảnh hưởng của bão số 10, giá vật liệu xây dựng, bảo dưỡng nhà ở và giá xăng dầu, gas vẫn tiếp tục tăng nên làm cho chỉ số giá tháng 11 tăng

5. Các vấn đề xã hội

5.1. Tình hình đời sống dân cư

Trong tháng này, tuy Hà Tĩnh tiếp tục bị ảnh hưởng của đợt áp thấp nhiệt đới gây nhiều thiệt hại về sản xuất nông nghiệp, nhà cửa và các cơ sở vật chất khác của người dân, nhưng nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, đặc biệt là sự vào cuộc quyết liệt, kịp thời của cả hệ thống chính trị trong việc khắc phục

thiệt hại sau thiên tai và đảm bảo ổn định tình hình trật tự an ninh, ổn định sản xuất; đồng thời, công tác an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, trợ cấp cho hộ nghèo, cận nghèo cũng được quan tâm, thực hiện đầy đủ và kịp thời, nên đời sống nhân dân vẫn ổn định. Trong tháng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh không xảy ra thiếu đói. Dự kiến thời gian tới tình hình thiếu đói không xảy ra.

5.2. Thiệt hại thiên tai

Tháng 10, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh xảy ra đợt mưa to do ảnh hưởng của đợt áp thấp nhiệt đới vào ngày 09/10/2017, đã làm 02 người bị thương; 02 nhà ở bị sụp đổ, 2.362 nhà bị ngập nước; 81 phòng học bị ngập và hư hại một phần, 09 phòng khám bị ngập, 01 trụ sở cơ quan bị hư hỏng và 12 nhà văn hóa xóm bị hư hỏng; 65 m chiều dài các đoạn đê bị sạt lở, 220 m chiều dài các đoạn kè bị vỡ, cuốn trôi; 15 công trình đập, cống bị phá hủy và hư hỏng, 2.781 m chiều dài kênh mương bị sạt lở, cuốn trôi; 01 cầu cống bị phá hủy, 2.020 cầu cống bị hư hỏng, 99,05 km chiều dài xe cơ bị ngập, 3.835 m³ đất, đá bê tông bị sạt lở cuốn trôi; 38 ha lúa và 638 ha hoa màu bị ngập và hư hỏng (trong đó có 124,5 ha hoa màu bị mất trắng), 14 ha cây ăn quả, 62 ha cây công nghiệp và 294,7 ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại; số trâu, bò bị chết là 03 con, số lợn chết 21, số gia cầm bị chết là 8.499 con. Tổng giá trị thiệt hại ước tính là 18,98 tỷ đồng.

Ngay sau khi mưa lớn xảy ra, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai tỉnh đã chỉ đạo các địa phương kiểm tra thực tế, thăm hỏi và hỗ trợ các gia đình có người bị thương, nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai. Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các địa phương huy động lực lượng, phương tiện tổ chức thu dọn khối lượng đất đá bị sạt lở để thông xe. Các huyện cũng đã tập trung huy động lực lượng tại chỗ khắc phục hậu quả, vệ sinh nhà cửa, trường học, trạm y tế bị ngập, đảm bảo cho hoạt động của người dân trở lại bình thường.

5.3. Hoạt động y tế

- *Tình hình dịch bệnh:* Để chủ động phòng chống các dịch bệnh trong mùa mưa bão, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh đã chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng các huyện, thị xã, thành phố tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh; tăng cường công tác kiểm tra đánh giá chất lượng công trình bệnh viện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã; công tác diễn tập báo động, tập huấn cộng đồng về phòng chống thiên tai; đẩy mạnh tuyên truyền các phương tiện thông tin đại chúng cách phát hiện các loại dịch bệnh, chuẩn bị đầy đủ thuốc, hóa chất và trang thiết bị cần thiết, khi xảy ra dịch phải triển khai khẩn cấp các biện pháp chống dịch. Nhờ vậy trong tháng, trên địa bàn Hà Tĩnh chỉ xảy ra 47 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết và không có trường hợp nào tử vong.

- *Công tác phòng chống HIV/AIDS:* Để hạn chế số người lây, nhiễm HIV/AIDS, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh đã tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng truyền thông phòng, chống HIV/AIDS cho những người tham gia thực hiện; tăng cường các hình thức truyền thông nhằm thay đổi hành vi

về phòng chống HIV/AIDS cho người dân. Trong tháng Hà Tĩnh có 11 trường hợp nhiễm mới HIV, 09 trường hợp chuyển thành AIDS và không có trường hợp nào chết vì AIDS.

- *Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm*: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm là chương trình trọng tâm của Chính phủ, được toàn thể xã hội quan tâm. Thời gian gần đây, công tác chỉ đạo, điều hành đã có những tiến bộ. Các ngành, địa phương thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức của người dân trong tiêu dùng thực phẩm; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm. Trong tháng, Hà Tĩnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể nào, chỉ xảy ra 143 ca ngộ độc thực phẩm đơn lẻ và không có trường hợp nào tử vong do ngộ độc thực phẩm.

5.4. Hoạt động văn hóa, thể thao

- *Hoạt động văn hóa*: Dù thời tiết không thuận lợi nhưng các đơn vị, địa phương ở Hà Tĩnh vẫn tổ chức vui Trung thu cho các cháu thiếu niên, nhi đồng. Nhân dịp này, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh cũng đã trao tặng nhiều suất quà cho các cháu có thành tích cao trong học tập, các cháu có hoàn cảnh khó khăn. Trong tháng, tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Nguyễn Du, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng với Chi hội Kiều học Việt Nam tại Hà Tĩnh phối hợp tổ chức lễ trao tặng phiên bản mộc bản về Đại Thi hào Nguyễn Du, phiên bản nhằm thể hiện tấm lòng trước công lao to lớn của Đại thi hào Nguyễn Du đối với nền văn học Việt Nam.

- *Hoạt động thể thao*: Các hoạt động thể thao quần chúng được tổ chức thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở; quy mô, chất lượng phong trào ngày càng được nâng cao, như: Giải quần vợt “Kết nối doanh nhân” lần thứ 3 năm 2017, Giải Bóng đá nam thanh niên Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh chào mừng ngày Doanh nhân Việt Nam và Đại hội Đoàn cấp tỉnh; Giải bóng chuyền nam cán bộ đoàn thanh niên toàn tỉnh do Tỉnh đoàn và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức, với giải Nhất thuộc về đội bóng chuyền nam cán bộ đoàn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Đối với thể thao thành tích cao cũng luôn được quan tâm. Tại giải Vô địch các CLB Pencak Silat toàn quốc toàn quốc, đoàn Hà Tĩnh giành được 01 HCV, 01 HCB và 01 HCD.

5.5. Tình hình tai nạn giao thông

Để hạn chế tai nạn giao thông đường bộ, Công an Hà Tĩnh tiếp tục chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật giao thông nhằm tạo chuyển biến về nhận thức cho học sinh, sinh viên, cán bộ và người dân trong tham gia giao thông.

Theo số liệu tổng hợp nhanh từ phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, từ ngày 16/9/2017 đến 15/10/2017 trên địa bàn tỉnh xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông đường bộ và 01 vụ tai nạn đường sắt làm chết 15 người, bị thương 06 người, thiệt

hại tài sản 75 triệu đồng (giảm 01 vụ tai nạn đường bộ, tăng 01 vụ tai nạn đường sắt, tăng 04 người chết và giảm 05 người bị thương so với tháng trước). So với cùng kỳ năm trước tăng 05 vụ tai nạn đường bộ, 01 vụ tai nạn đường sắt và tăng 06 người chết. Nguyên nhân chủ yếu vẫn do ý thức chấp hành an toàn giao thông của người tham gia giao thông còn hạn chế, không làm chủ tốc độ và đi sai phần đường.

Như vậy, tính từ ngày 16/12/2016 đến ngày 15/10/2017 trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra 109 vụ tai nạn giao thông đường bộ và 02 vụ tai nạn đường sắt làm chết 108 người, bị thương 63 người, ước tính thiệt hại tài sản 955 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước giảm 46 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 01 vụ tai nạn đường sắt, giảm 22 người chết và giảm 28 người bị thương.

5.6. Môi trường

- *Tình hình cháy nổ*: Trong tháng đã xảy ra 04 vụ cháy, thiệt hại về tài sản trị giá ước tính 42 triệu đồng, gồm: 01 vụ cháy cửa hàng xe máy, 01 vụ cháy nhà chứa rom, 01 vụ cháy quán cà phê và 01 vụ cháy đường dây điện. Nguyên nhân chủ yếu chập điện và sơ suất trong sử dụng lửa của người dân.

- *Vi phạm môi trường*: Với mục tiêu cùng chung tay bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan liên ngành tăng cường kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trên địa bàn và không có đơn vị nào vi phạm.

Trên đây là một số tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh tháng 10 và 10 tháng năm 2017./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng Hợp (TCTK);
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND Tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở KH và ĐT;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Việt Hùng

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tháng 9 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 348/CTK-TH ngày 23/10/2017)

	Thực hiện 08 tháng năm 2017 (Triệu đồng)	Thực hiện tháng 9 năm 2017 (Triệu đồng)	Cộng dồn 09 tháng năm 2017 (Triệu đồng)	Cộng dồn so với dự toán năm năm 2017 (%)	Cộng dồn so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG THU	8.520.178	502.874	9.023.052	120,71	134,74
I. Thu cân đối ngân sách nhà nước	8.470.514	498.126	8.968.640	121,12	134,96
1. Thu nội địa	3.244.791	403.155	3.647.946	62,30	132,17
<i>Trong đó:</i>					
Thu từ doanh nghiệp và cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa,	1.639.953	196.988	1.836.941	56,67	121,61
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	120	16	136	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	123.919	9.061	132.980	53,19	105,83
Lệ phí trước bạ	135.069	10.217	145.286	42,73	85,59
Thu phí, lệ phí	75.532	5.858	81.390	90,43	210,78
Các khoản thu về nhà, đất	1.092.748	154.611	1.247.359	138,75	214,77
2. Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
3. Thu hải quan	1.479.263	-	1.479.263	95,44	118,80
4. Thu viện trợ (Không kể viện trợ về	-	-	-	-	-
5. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
6. Thu kết dư ngân sách năm trước	7.602	435	8.037	-	-
7. Thu chuyển nguồn	3.745.354	94.536	3.839.890	-	147,38
8. Thu huy động đầu tư theo quy định của khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	-	-	-	-	-
II. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	49.664	4.748	54.412	77,42	106,37

Chi ngân sách địa phương năm 2017

Tháng 9 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 318 /CTK-TH ngày 23 /10/2017)

	Thực hiện 08 tháng năm 2017 (Triệu đồng)	Thực hiện tháng 9 năm 2017 (Triệu đồng)	Cộng dồn 09 tháng năm 2017 (Triệu đồng)	Cộng dồn so với dự toán năm năm 2017 (%)	Cộng dồn so với cùng kỳ năm trước (%)
Chi Ngân sách địa phương	11.105.282	1.482.895	12.588.177	73,56	129,89
A. Chi ngân sách Nhà nước	7.240.168	931.586	8.171.754	69,98	138,39
I. Chi đầu tư phát triển	2.667.402	243.336	2.910.738	104,26	137,36
II. Chi viện trợ	81	-	81	-	-
III. Chi trả lãi	-	-	-	-	-
IV Chi thường xuyên	4.572.685	688.250	5.260.935	59,22	138,97
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.813.329	268.340	2.081.669	56,25	140,74
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	222.330	29.356	251.686	47,13	97,60
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	503.137	134.344	637.481	62,77	161,69
Chi sự nghiệp kinh tế	404.193	7.912	412.105	49,50	133,90
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	1.178.772	150.279	1.329.051	68,74	132,01
Chi khác	450.924	98.019	548.943	63,32	161,55
V Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
B. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	3.794.210	550.837	4.345.047	104,76	116,66
C. Chi nộp ngân sách cấp trên	7.337	1	7.338	-	863,29
D. Chi chuyển nguồn	-	-	-	-	-
E. Chi khác	63.148	471	63.619	4,94	104,08

Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 38 /CTK-TH ngày 23 /10/2017)

Đơn vị tính : %

	Chỉ số kỳ báo cáo so với tháng trước	Chỉ số kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Chỉ số lũy kế đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Tổng số	94,83	205,17	169,86
B. Khai khoáng	93,08	63,00	78,13
07. Khai thác quặng kim loại	91,19	134,95	77,72
08. Khai thác khoáng khác	93,58	55,38	78,21
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	93,84	259,04	196,48
10. Sản xuất, chế biến thực phẩm	94,78	114,11	118,23
11. Sản xuất đồ uống	97,66	87,95	92,53
13. Dệt	85,87	91,18	107,89
16. Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre nứa...	92,02	67,70	93,75
19. Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	112,47	136,45	179,76
20. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	101,31	79,16	86,79
23. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	94,77	46,37	52,17
24. Sản phẩm gang, sắt, thép	92,29	690,47	558,92
25. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	93,58	128,81	136,72
31. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	89,53	167,74	111,69
D. Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	99,31	121,25	134,05
35. Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	99,31	121,25	134,05
E. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	99,62	92,11	104,62
36. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	104,84	81,25	104,34
38. Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	93,75	110,73	105,03

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 318 /CTK-TH ngày 23 /10/2017)

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện 09 tháng năm 2017	Ước tính tháng 10 năm 2017	Cộng dồn 10 tháng năm 2017	Tháng 10 năm 2017 so với tháng 9 năm 2017 (%)	Cộng dồn 10 tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 (%)
Quặng Zircon và tinh booti Zicon	Tấn	1.802	275	2.077	91,97	71,44
Đá xây dựng khác	1000 m3	1.059	104	1.163	96,81	77,52
Mực đông lạnh	"	442	23	465	57,42	117,18
Thức ăn cho gia súc	"	23.399	1.929	25.328	98,57	112,91
Bia lon	1000 lít	44.141	4.860	49.001	97,10	96,75
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: Bông, đay, lanh, xơ, dừa, cói...	Tấn	4.148	400	4.548	83,33	106,34
Vỏ bào, dăm gỗ	1000 tấn	363	28	391	91,95	90,11
Than cốc	Tấn	665	88	753	112,47	179,79
Dầu nhựa thông (đầu tall), đã hoặc chưa tinh chế	Tấn	796	80	876	100,00	68,07
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm)	Nghìn viên	182.097	18.824	200.921	97,57	87,02
Thép cuộn	Tấn	762.077	196.800	958.877	92,29	559,35
Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chuyên dụng khác	Triệu đồng	50.165	5.147	55.312	99,53	84,38
Điện sản xuất	Kwh	4.062	485	4.547	99,45	135,59
Điện thương phẩm	"	655	78	733	97,03	107,09
Nước uống	1000 m3	10.036	1.244	11.280	77,07	125,32
Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	52.022	5.534	57.557	93,75	105,03

Số dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 318 /CTK-TH ngày 23 /10/2017)

	Số dự án cấp phép mới tháng 9/2017 (Dự án)	Số dự án cấp phép mới tháng 10/2017 (Dự án)	Lũy kế số dự án cấp phép mới từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Dự án)
TỔNG SỐ	-	-	1
Phân theo ngành kinh tế			
Ngành Công nghiệp	-	-	-
Ngành vận tải	-	-	-
Ngành khách sạn, nhà hàng	-	-	-
Kinh doanh bất động sản	-	-	1
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Đài Loan	-	-	-
Trung Quốc	-	-	-
Singapore	-	-	-
Đức	-	-	1

Vốn đăng ký và vốn bổ sung của dự án đầu tư nước ngoài

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 348/CTK-TH ngày 23/10/2017)

	Số vốn tháng 9/2017 (Triệu USD)	Số vốn tháng 10/2017 (Triệu USD)	Lũy kế vốn từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Triệu USD)
TỔNG SỐ	-	-	2,1
Phân theo ngành kinh tế			
Ngành Công nghiệp	-	-	-
Ngành vận tải	-	-	-
Ngành khách sạn, nhà hàng	-	-	-
Kinh doanh bất động sản	-	-	2,1
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Đài Loan	-	-	-
Trung Quốc	-	-	-
Singapore	-	-	-
Đức	-	-	2,1

Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 318 /CTK-TH ngày 23 /10/2017)

	Thực hiện 9 tháng năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10 năm 2017 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 10 tháng năm 2017 (Tỷ đồng)	Tháng 10 năm 2017 so với tháng 9 năm 2017 (%)	Cộng dồn 10 tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 (%)
TỔNG SỐ	21.632,30	2.763,47	24.395,77	100,92	100,80
Phân theo loại hình kinh tế					
Kinh tế Nhà nước	1.689,00	235,49	1.924,49	100,58	162,83
Kinh tế ngoài Nhà nước	19.943,30	2.527,98	22.471,28	100,95	97,62
Kinh tế Tập thể	9,03	0,84	9,87	103,09	126,71
Kinh tế Tư nhân	6.784,60	959,96	7.744,56	101,81	103,30
Kinh tế Cá thể	13.149,67	1.567,18	14.716,85	100,43	94,85
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo nhóm hàng					
- Lương thực, thực phẩm	8.451,85	1.015,57	9.467,42	100,66	99,14
- Hàng may mặc	1.315,59	156,71	1.472,30	101,73	84,47
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	2.756,87	345,07	3.101,94	100,01	86,22
- Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	251,19	33,43	284,62	93,46	105,89
- Gỗ và vật liệu xây dựng	1.360,34	171,63	1.531,97	101,72	107,70
- Ô tô các loại	456,09	44,79	500,88	98,85	76,96
- Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)	1.380,30	172,55	1.552,85	98,23	105,38
- Xăng, dầu các loại	2.561,40	317,93	2.879,33	101,17	131,07
- Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	452,09	89,72	541,81	102,33	106,36
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	472,36	53,31	525,67	107,27	84,05
- Hàng hóa khác	1.756,69	308,97	2.065,66	102,50	124,12
- Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	417,53	53,79	471,32	104,09	94,16

Vận tải hàng hóa của địa phương

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 348/CTK-TH ngày 23/10/2017)

	Thực hiện 09 tháng năm 2017	Ước tính tháng 10 năm 2017	Cộng dồn 10 tháng năm 2017	Tháng 10 năm 2017 so với tháng 9 năm 2017 (%)	10 Tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 (%)
A. Vận chuyển hàng hóa - Nghìn tấn	23.144,89	2.659,09	25.803,98	98,23	103,10
Phân theo ngành kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước	23.144,89	2.659,09	25.803,98	98,23	103,10
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	23.108,70	2.655,19	25.763,89	98,23	103,67
Đường sông	36,19	3,90	40,09	97,50	22,82
Đường biển	-	-	-	-	-
B. Luân chuyển hàng hóa - Triệu tấn.km	584,02	70,66	654,68	96,77	106,52
Phân theo ngành kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước	584,02	70,66	654,68	96,77	106,52
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	583,42	70,60	654,02	96,77	107,35
Đường sông	0,60	0,06	0,66	92,06	12,39
Đường biển	-	-	-	-	-

Vận tải hành khách của địa phương

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 348/CTK-TH ngày 23/10/2017)

	Thực hiện 09 tháng năm 2017	Ước tính tháng 10 năm 2017	Cộng dồn 10 tháng năm 2017	Tháng 10 năm 2017 so với tháng 9 năm 2017 (%)	10 Tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 (%)
A. Vận chuyển hành khách - Nghìn hành khách	16.566,06	1.833,92	18.399,98	101,56	105,88
Phân theo ngành kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước	16.566,06	1.833,92	18.399,98	101,56	105,88
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	16.424,73	1.833,32	18.258,05	101,65	105,84
Đường sông	141,33	0,60	141,93	26,32	110,86
Đường biển	-	-	-	-	-
B. Luân chuyển hành khách - Triệu HK.km	2.951,27	332,87	3.284,14	102,23	108,32
Phân theo ngành kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước	2.951,27	332,87	3.284,14	102,23	108,32
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	2.950,96	332,87	3.283,83	102,23	108,32
Đường sông	0,31	0,00	0,31	26,32	112,54
Đường biển	-	-	-	-	-

Chỉ số giá tiêu dùng

Tháng 10 năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 318/CTK-TH ngày 23/10/2017)

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 10/2015 so với				Chỉ số giá bình quân kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2014	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
Chỉ số giá tiêu dùng chung	108,00	104,73	101,96	100,53	103,87
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	103,49	98,93	98,58	100,99	99,40
Trong đó: Lương thực	96,81	98,67	97,24	100,53	99,97
Thực phẩm	102,91	96,91	96,69	100,56	98,60
Ăn uống và ngoài gia đình	109,58	105,24	105,18	102,53	101,36
Đồ uống và thuốc lá	108,29	102,46	101,52	100,00	102,83
May mặc, giày dép và mũ nón	106,69	101,03	100,75	100,03	100,73
Nhà ở và vật liệu xây dựng	102,38	104,72	104,39	100,92	101,46
Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,53	100,97	100,91	99,88	101,37
Thuốc và dịch vụ y tế	188,68	157,20	100,12	100,00	163,54
Giao thông	86,27	103,38	102,68	100,51	104,16
Bưu chính viễn thông	99,01	100,43	99,84	100,12	99,03
Giáo dục	145,59	121,10	121,10	100,00	107,81
Văn hóa, giải trí và du lịch	122,21	103,83	103,83	100,21	102,42
Hàng hóa và dịch vụ khác	113,95	101,63	101,67	99,95	102,72